|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT** |  |

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I - LỚP 3**

**NĂM HỌC 2021 – 2022**

**A. Môn Tiếng Việt:**

**1. Tập đọc:** Ôn các bài tập đọc, học thuộc lòng từ tuần 10 đến tuần 16

**2. Chính tả** : Nghe và viết một đoạn văn khoảng 60 chữ trong 15 phút

**3. Luyện từ và câu:**

- Từ:

+ Ôn tập về từ chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm.

+ MRVT: quê hương, thành thị - nông thôn.

- Câu:

+ Ôn tập mẫu câu: Ai làm gì? Ai thế nào?

+ Ôn tập về dấu câu: Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

- Ôn tập về: So sánh

**4. Tập làm văn:**

- Viết được đoạn văn có nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học.

+ Kể về người hàng xóm.

+ Giới thiệu về tổ em.

**B. Môn Toán:**

- Số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên:

+ Đọc, viết, nêu giá trị các chữ số của số có 3 chữ số.

+ Cộng, trừ có nhớ các số có 3 chữ số.

+ Nhân số có hai, ba chữ số với số có một chữ số (có nhớ một lần)

+ Chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư)

- Đại lượng và số đo đại lượng:

+ Bảng đơn vị đo độ dài.

+ Đơn vị đo khối lượng: kg, g.

+ Xem đồng hồ, chính xác đến 5 phút.

- Hình học:

+ Góc vuông, góc không vuông.

- Giải bài toán có hai phép tính về:

+ Tìm một trong các phần bằng nhau của một số

+ Gấp một số lên nhiều lần

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP****KHỐI TRƯỞNG****Hà Minh Nguyệt**  | **NGƯỜI DUYỆT****PHÓ HIỆU TRƯỞNG****Đào Thị Huệ** |

Họ và tên:…………..……………………………………………………… Lớp 3A

**Đề cương ôn tập môn Toán học kì I – Lớp 3**

**1. Đọc, viết, nêu giá trị các chữ số của số có 3 chữ số.**

1.1. Cách đọc, viết: đọc, viết từ trái sang phải

\* Lưu ý cách đọc số 5:

- Đọc là “lăm” nếu đứng sau chữ “mười” hoặc chữ “mươi”

VD: 715: bảy trăm **mười***lăm*

 735: bảy trăm ba **mươi***lăm*

- Các trường hợp khác đọc là “ năm”

VD: 705: bảy trăm linh *năm*

 550: *năm* trăm *năm* mươi

1.2. Nêu giá trị chữ số trong một số:

Giá trị của một chữ số phụ thuộc vào vị trí của chữ số đó trong số đã cho:

VD: 348: chữ số 3 có giá trị là 3 trăm; chữ số 4 có giá trị là 4 chục, chữ số 8 có giá trị là 8 đơn vị. Vì vậy chữ số có *giá trị lớn nhất* trong *số 348* là *chữ số3*; chữ số *có giá trị nhỏ nhất* trong *số 348* là *chữ số 8*.

1.3. So sánh các số có đến 3 chữ số:

- Số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn, số nào có ít chữ số hơn thì số đó bé hơn.

VD: 23 < 230 vì 23 là số có 2 chữ số; 230 là số có 3 chữ số.

- Nếu 2 số có số lượng các chữ số bằng nhau thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng tính từ trái sang phải.

VD: 345 < 356 vì hàng trăm cùng có chữ số 3; hàng chục: 4chục < 5chục; không cần so sánh tiếp hàng đơn vị.

**2. Cộng, trừ có nhớ các số có đến 3 chữ số:**

\* Lưu ý: Cộng, trừ từ phải sang trái, nếu kết quả ở một hàng là số có 2 chữ số, viết chữ số hàng đơn vị của tổng vào kết quả và nhớ chữ số hàng chục sang hàng tiếp liền trước nó.

**3. Nhân số có 2 chữ số ( hoặc 3 chữ số) với số có 1 chữ số:**

\* Lưu ý: nhân từ phải sang trái, lấy thừa số thứ 2 nhân lần lượt với từng chữ số của thừa số thứ 1; nếu trong một lượt nhân mà kết quả là số có 2 chữ số thì viết chữ số hàng đơn vị vào tích, nhớ chữ số hàng chục sang hàng tiếp liền trước nó.

**4. Chia số có 2 chữ số hoặc 3 chữ số cho số có 1 chữ số:**

\* Lưu ý: - Quy tắc chia: từ trái sang phải.

 -Trước khi chia cần xác định xem phép chia có mấy lượt chia? Mỗi lượt chia có mấy bước chia? ( 3 bước: chia, nhân, trừ)

VD: Phép tính 34 : 5 có 1 lượt chia vì chữ số hàng chục của số bị chia < số chia

 Phép tính 342 : 3 có 3 lượt chia vì chữ số hàng trăm của số bị chia = số chia

- Khi chia số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số: Nếu chữ số đầu tiên của số bị chia bé hơn số chia thì phép chia có 1 lượt chia; nếu chữ số đầu tiên của số bị chia bằng hoặc lớn hơn số chia thì phép chia có 2 lượt chia.

- Khi chia số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số: Nếu chữ số đầu tiên của số bị chia bé hơn số chia thì phép chia có 2 lượt chia; nếu chữ số đầu tiên của số bị chia bằng hoặc lớn hơn số chia thì phép chia có 3 lượt chia.

- Ở mỗi lượt chia, số dư luôn bé hơn số chia. Số dư lớn nhất luôn kém số chia 1 đơn vị.

- Ở một lượt chia mà số bị chia bằng 0 hoặc bé hơn số chia thì thương của lượt chia ấy bằng 0.

- Phép chia có bao nhiêu lượt chia thì thương sẽ có bấy nhiêu chữ số.

**5. Tìm thành phần chưa biết trong phép tính:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tìm ***số hạng*** trong một tổng: lấy *tổng***trừ** đi *số hạng kia*VD: x + 13 = 25 X = 25 – 13 X = 12 | Tìm ***số bị trừ***: lấy *hiệu***cộng** với *số trừ*VD: x – 31 = 26 x = 26 + 13 x = 39 | Tìm ***số trừ***: lấy *số bị trừ***trừ** đi *hiệu*VD: 53 – x = 42 x = 53 – 42 x = 11 |
| Tìm ***thừa số*** trong 1 tích: lấy *tích****chia*** cho *thừa số kia*VD: *x* x 5 = 15 X = 15: 5 X = 3 | Tìm ***số bị chia***: lấy *thương****nhân*** với *số chia* *VD: x : 12 = 2* X = 2 x 12 X = 24*\* Trong phép chia có dư:* *Số bị chia = Thương* x *số chia + Số dư* | Tìm ***số chia***: lấy ***số bị chia****chia* cho *thương*  *VD: 15 : x = 3* *X = 15 : 3* *X = 5**\* Trong phép chia có dư:* *Số chia = ( Số bị chia - Số dư): Thương* |

**6. Tính giá trị biểu thức**:

 + Với biểu thức chỉ chứa các phép tính nhân và chia hoặc cộng và trừ thì thực hiện **từ trái sang phải**

 VD: 23+15-12; 66 : 2 x 4

 = 38 - 12 = 33 x 4

 = 26 = 132

+ Với biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện **nhân chia trước, cộng trừ sau**

VD: 23 + 15 x 3 12 : 4 + 37

 = 23 + 45 = 3 + 37

 = 68 = 40

+ Với biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn thì thực hiện **trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau**

 VD: 23 + ( 45-12);

= 23 + 33

 = 56

***7. Về đại lượng và đo đại lượng:***

***a/Độ dài:***

**km > hm > dam > m > dm > cm > mm.**

\* Hai đơn vị đo liền kề gấp (kém) nhau 10 lần

\* Hai đơn vị đo cách nhau qua 1 đơn vị đo ở giữa thì gấp ( kém) nhau 100 lần

\* Hai đơn vị đo cách nhau qua 2 đơn vị đo ở giữa thì gấp ( kém) nhau 1000 lần

***b/ Khối lượng***: 1 kg = 1000 g; 1000g = 1 kg

***c/ Thời gian:*năm > tháng > tuần > ngày > giờ > phút > giây**

1 năm = 12 tháng 1 tháng = 4 tuần 1 tuần = 7 ngày

1 ngày = 24 giờ 1 giờ = 60 phút 1 phút = 60 giây

***8/ Hìnhhọc***: góc vuông, góc không vuông

\* Lưu ý:

- Góc vuông là góc có 2 cạnh trùng khít với 2 cạnh góc vuông của e ke.

- Góc không vuông là góc có 1 trong 2 cạnh không trùng khít với 1 cạnh góc vuông của ê ke.

***9/ Giải toán:***

**a/ Tìm một trong các phần bằng nhau của một số**: Muốn tìm một trong các phần bằng nhau của một số ta lấy số đó chia cho số phần

**VD1**: Muốn tìm 1/3 của 15 ta lấy 15 : 3 = 5. Vậy 1/3 của 15 là 5.

**VD2:**Một quyển truyện dày 96 trang, Minh đã đọc 1/6 quyển truyện đó. Hỏi Minh còn phải đọc bao nhiêu trang nữa mới xong?

**b/ Gấp một số lên nhiều lần:** Muốn gấp một số lên nhiều lần ta lấy số đó nhân với số lần

**VD1:** Muốn gấp 3 lên 4 lần ta lấy 3 x 4 = 12

**VD2:** Đàn gà nhà Lan có 6 con gà trống, số gà mái gấp 4 lần số gà trống. Hỏi nhà Lan nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

**c/ Giảm đi một số lần**: Muốn giảm một số đi nhiều lần ta lấy số đó chia cho số lần

**VD1:** Muốn giảm 20 phút đi 4 lần ta lấy 20 phút : 4 = 5 phút

**VD2:** Trên cây có 48 quả bưởi. Sau khi hái, số quả trên cây giảm đi 2 lần. Hỏi đã hái bao nhiêu quả bưởi?

**d/ So sánh số lớn gấp mấy lần số bé:** Muốn so sánh số lớn gấp mấy lần số bé ta lấy số lớn chia cho số bé.Thương tìm được chính là số lần.

**VD1:** Muốn tìm 12 m gấp 2 m mấy lần ta lấy 12 : 2 = 6 (lần)

**VD2:** Nhà Lan nuôi 6 con gà trống, số gà mái nhiều hơn số gà trống là 24 con. Hỏi số gà mái gấp mấy lần số gà trống?

**e/ So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn**: Muốn so sánh số bé bằng một phần mấy số lớn, ta lấy số lớn chia cho số bé. Thương tìm được chính là số phần.

**VD1:** Muốn tìm 3 giờ bằng một phần mấy của 12 giờ ta lấy 12 giờ : 3 giờ = 4 lần.

Vậy 3 giờ bằng ¼ của 12 giờ.

**VD2:** Năm nay Lan 9 tuổi, mẹ hơn Lan 36 tuổi. Hỏi năm nay tuổi Lan bằng một phần mấy tuổi mẹ?

**f/ Giải toán với phép chia có dư:**

**VD1:** Có 35 học sinh, mỗi bộ bàn ghế chỉ ngồi được 2 học sinh, vậy cần ít nhất bao nhiêu bộ bàn ghế để đủ cho 35 học sinh ngồi?

Bài giải:

 Ta có : 35 : 2 = 17 ( dư 1)

 Vậy có 17 bộ bàn ghế loại 2 học sinh ngồi và thừa 1 học sinh nên cần kê thêm 1 bộ bàn ghế cho 1 học sinh ngồi.

 Vậy cần ít nhất số bộ bàn ghế cho đủ 35 học sinh ngồi là:

 17 + 1 = 18 ( bộ bàn ghế)

 Đáp số : 18 bộ bàn ghế

**VD2:** Có 22 m vải, mỗi bộ quần áo may hết 3 m vải. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải:

 Ta có: 22 : 3 = 7 ( dư 1)

 Vậy có thể may được nhiều nhất 7 bộ quần áo và còn thừa 1 mét vải.

 Đáp số: 7 bộ quần áo và thừa 1 mét vải.

**\* Một số lưu ý khi giải toán: -** Đọc kĩ đề để xác định bài toán cho biết gì? bài toán yêu cầu gì?

- Gạch chân các số liệu, dữ kiện quan trọng

- Xác định các đại diện của bài toán, xem đại diện nào biết rồi, đại diện nào chưa biết. Xác định dạng toán, tóm tắt ra nháp.

- Để giải bài toán cần làm mấy bước? Cần nắm rõ các bước làm tương ứng với từng câu lời giải và phép tính.

- Làm xong bài nhớ thử lại, kiểm tra kĩ câu lời giải, phép tính, đáp số, đơn vị của bài toán đã phù hợp chưa.